

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN  
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 2892 /KL-STC



1. Đoàn  
2. Phòng Kế Tác: Cố vấn tài chính, Sát hạch, Kế toán trưởng  
3. Cán bộ, đại diện thành phố  
4. Uỷ ban

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vicksite s:

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2016

## KẾT LUẬN

### Thanh tra công tác quản lý tài chính tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc

Căn cứ Điều 30 Luật Thanh tra;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 15/7/2016 của Đoàn thanh tra tài chính theo Quyết định thanh tra tài chính số 68/QĐ-STC ngày 25/4/2016 của Giám đốc Sở Tài chính Thái Nguyên,

Giám đốc Sở Tài chính Kết luận như sau:

#### A. Đặc điểm tình hình

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, bao gồm: các hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Hiện tại, Văn phòng Sở có 7 phòng chuyên môn với biên chế công chức được giao là 34 người (cố định 33 người), hợp đồng 06 người. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên có 5 đơn vị hạch toán độc lập cụ thể:

+ 02 đơn vị quản lý nhà nước, gồm: Văn phòng sở, Văn phòng Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Các đơn vị này được giao quyền tự chủ theo Nghị định 130/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

+ 03 đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động được giao quyền tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ là: Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Trong năm 2015, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí: chi quản lý hành chính nhà nước, kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ, nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

## **B. Số liệu tổng hợp (phụ lục 1, 2 đính kèm)**

### **C. Giới hạn thanh tra**

Thực hiện Quyết định thanh tra số 68/QĐ-STC ngày 25/4/2016 của Giám đốc Sở Tài chính Thái Nguyên về việc thanh tra tài chính tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ và 4 đơn vị trực thuộc từ ngày 9/5/2016 đến ngày 3/6/2016.

Thời kỳ thanh tra: Năm 2015.

Giới hạn thanh tra: Không thanh tra các nội dung ngoài nội dung, thời kỳ thanh tra theo quyết định số 68/QĐ-STC ngày 25/4/2016; Các nội dung đã được các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước đã kết luận; Không tiến hành đối chiếu công nợ, hóa đơn chứng từ với các cá nhân và đơn vị có liên quan và một số giới hạn khác theo từng biên bản chi tiết với các đơn vị.

Không thanh tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) do đã được Thanh tra tỉnh Thái Nguyên kết luận theo báo cáo thanh tra số 222/KL-TTr ngày 27/4/2016.

Đoàn Thanh tra thanh tra trên Hồ sơ quyết toán, chứng từ, sổ sách, báo cáo quyết toán do đối tượng thanh tra cung cấp tại thời điểm thanh tra. Đối tượng được thanh tra chịu trách nhiệm về tính xác thực của các tài liệu đã cung cấp cho Đoàn Thanh tra.

### **D. Kết quả thanh tra**

#### **I. Công tác lập, thẩm định, tổng hợp, giao dự toán và thẩm tra quyết toán**

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh giao dự toán trực tiếp cho sở và các đơn vị trực thuộc. Hàng năm, căn cứ vào quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị lập dự toán thu chi tài chính, đồng thời tiến hành thẩm tra, tổng hợp trình Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ xây dựng dự toán: Nghị quyết về định mức phân bổ ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh cho thời kỳ ổn định 2011- 2015, các thông tư, nghị định và chế độ chính sách tăng thêm.

Việc lập dự toán bao gồm phần ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp, số phải tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu của đơn vị và tiết kiệm 10% chi thường xuyên. Tuy nhiên cuối năm chưa rà soát điều chỉnh lại kế hoạch thu cho sát thực tế.

## **II. Thanh tra tại khối quản lý nhà nước (Văn phòng sở, Văn phòng Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng)**

### **1. Ưu điểm**

Về cơ bản các đơn vị đã chấp hành tương đối tốt Luật Ngân sách nhà nước, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, dự toán được duyệt. Công tác kê toán đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ, chứng từ mờ sổ sách đầy đủ, ghi chép, hạch toán, quyết toán cơ bản theo quy định.

### **2. Kết quả thanh tra**

#### **2.1. Thanh tra việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ**

Năm 2015, các đơn vị đã thực hiện cơ chế khoán chi và đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ. Việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đã chấp hành tốt trình tự thủ tục xây dựng quy chế, như lấy ý kiến tham gia của các phòng, tham gia đóng góp ý kiến tại Hội nghị cán bộ công chức và được Hội nghị cán bộ công chức biểu quyết thông qua. Các nội dung quy định tại quy chế tương đối phù hợp với các quy định pháp luật và thực tế cơ quan. Tuy nhiên, tại Văn phòng Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng chưa quy định thanh toán phương tiện đi lại khi đi công tác. Công tác phí quy định chỉ cho cán bộ, công chức theo hình thức khoán chi hàng tháng nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, một số cán bộ được cử đi công tác đã thanh toán công tác phí khoán theo tháng vẫn thanh toán tiền công tác phí, tiền ngủ.

#### **2.2. Thanh tra việc lập dự toán**

Qua thanh tra cho thấy công tác lập dự toán ngân sách đã thực hiện cơ bản theo quy định của Luật Ngân sách, các văn bản hướng dẫn.

#### **2.3. Thanh tra thực hiện dự toán chi**

##### **2.3.1. Thanh tra việc sử dụng kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**

- Thanh toán đầy đủ chế độ lương, phụ cấp các khoản đóng góp cho cán bộ công chức và hợp đồng kịp thời theo chế độ quy định. Trong 2 năm qua các đơn vị thuộc khối hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ đều hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Đối với các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn như: Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị,... Đơn vị đã thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ và chế độ nhà nước quy định.

- Các khoản chi cho hoạt động nghiệp vụ chuyên môn chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức cụ thể: Các đơn vị thực hiện theo thỏa thuận, có hợp đồng, thanh lý hợp đồng.

#### *- Đánh giá việc tiết kiệm chi đối với nội dung chi thường xuyên*

Các đơn vị đều tiết kiệm chi tiêu để bổ sung thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức cơ quan, như Văn phòng sở năm 2015 là: 68.478.426đ (Tổng dự toán kinh phí tự chủ là 2.990.400.000 đ = 2,3% kinh phí tự chủ).

Nguyên nhân của tiết kiệm chi do đơn vị tiết kiệm các khoản chi văn phòng phẩm, xăng xe, công tác phí, thêm giờ,... Việc phân phối, sử dụng số kinh phí tiết kiệm chi: Sử dụng bổ sung tăng thu nhập cho cán bộ công chức, trích quỹ dự phòng ôn định thu nhập.

#### *2.3.2. Thanh tra nội dung chi không thường xuyên*

Ngoài kinh phí tự chủ các đơn vị được giao thêm kinh phí không tự chủ phục vụ các nhiệm vụ của ngành. Về cơ bản các đơn vị đã thực hiện chi theo đúng nội dung dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

#### *2.3.3. Thanh tra nội dung chi chương trình, dự án*

Văn phòng Sở được cấp kinh phí thực hiện các chương trình, dự án phục vụ cho mục tiêu phát triển KTXH. Tổng kinh phí năm 2015 được cấp là 12.082 triệu đồng. Tuy nhiên còn một số dự án đã thực hiện được một phần, nhưng do các nguyên nhân, đã dừng thực hiện và dừng cấp kinh phí như: Dự án xây dựng mô hình chăn nuôi lợn quy mô trang trại gắn với giết mổ tập trung đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Dự án xây dựng mô hình chăn nuôi gà quy mô trang trại gắn với giết mổ tập trung đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Dự án xây dựng mô hình trồng cây Giáo cổ lam tại huyện Võ Nhai.

Qua kiểm tra chi tiết, về cơ bản hồ sơ thanh toán các đề tài, dự án, nhiệm vụ, chương trình đầy đủ, hợp lệ theo dự toán đã được phê duyệt. Tuy nhiên vẫn còn có tồn tại như trong việc thực hiện Nhiệm vụ bảo tồn nguồn Quỹ gen Cá chạch sông của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Đông Bắc: Nội dung tham quan học tập kinh nghiệm tại Đại học Cần Thơ: 59.450.000 đồng, chỉ có vé máy bay đến Cần thơ và giấy đi đường đóng dấu của nhà nghỉ tại Cần thơ kèm theo báo cáo thu hoạch đi tham quan học tập tại Đại học Cần thơ, chưa có xác nhận đã đến tham quan học tập kinh nghiệm tại Đại học Cần Thơ.

### *2.4. Thanh tra nguồn thu, chi phí, lệ phí*

Nguồn thu của Văn phòng bao gồm phí, lệ phí cấp giấy phép sử dụng thiết bị x quang, phí đăng ký hoạt động khoa học công nghệ. Văn phòng Sở đã thực hiện thu và chi phí, phí, lệ phí theo dự toán được duyệt hàng năm của UBND tỉnh. Tuy nhiên còn một số tồn tại:

- Đối với việc thực hiện trích từ nguồn chênh lệch thu, chi, phí, lệ phí để tạo nguồn cải cách tiền lương: Đơn vị đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ: Số trích từ nguồn chênh lệch thu, chi, phí, lệ phí còn thiếu là: 21.968.125đ.

- Xác định sai tỷ lệ nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước dẫn tới nộp thừa vào ngân sách nhà nước: 765.000đồng.

- Chi sai nguồn: 900.000 đồng (Hợp Hội đồng thẩm định cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN).

Theo Điều 3.5, Khoản 6, Điều 1 Thông tư liên tịch 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 18/06/2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ: “Kinh phí cho việc thẩm định, cấp, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN được lấy từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này”.

Thực tế, Sở Khoa học và Công nghệ không sử dụng nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định để thực hiện nhiệm vụ thẩm định, cấp, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN và đã lấy từ nguồn thu phí, lệ phí để chi phí cho việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN (cho Công ty CP Thuốc Thú y Đức Hạnh Marphavet): 900.000đồng.

### **III. Khối các đơn vị sự nghiệp công lập**

Gồm 3 đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động, gồm: Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

#### **1. Ưu điểm**

Các đơn vị về cơ bản chấp hành tương đối tốt Luật Ngân sách nhà nước, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, dự toán được duyệt. Kê khai và quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo đúng các quy định. Công tác kế toán đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ, chứng từ mở sổ sách đầy đủ, ghi chép, hạch toán, quyết toán cơ bản theo quy định.

Các đơn vị đã tuân thủ quy định về xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, hàng năm sau hội nghị viên chức, người lao động có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc xây dựng quy chế về cơ bản bám sát với các quy định của nhà nước. Quá trình thực hiện đơn vị cơ bản bám sát dự toán được duyệt, thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và chế độ chi tiêu của nhà nước quy định. Sử dụng kinh phí kịp thời đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn, thực hiện nhiệm vụ chính trị.

## **2. Hạn chế**

### **2.1. Thanh tra xác định loại hình tự chủ, xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ**

Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ vẫn còn chưa đầy đủ, chưa rõ ràng đối với công tác phí (Trung tâm Ứng dụng). Cụ thể trong quy chế: Công tác phí khoán áp dụng đối với trường hợp phải đi công tác trong nội thành trong cự ly dưới 15km. Trong trường hợp đi công tác dài ngày, ngoài tỉnh thì công tác phí chưa được quy định cụ thể. Thực tế đơn vị đã thanh toán công tác phí cán bộ đi công tác ở ngoài tỉnh và vẫn được hưởng công tác phí khoán. Quy chế chưa quy định rõ tỷ lệ phần trăm trích quỹ của từng loại quỹ (Trung tâm Thông tin).

### **2.2. Về lập, chấp hành và quyết toán kinh phí**

Thực hiện tạo nguồn để chi cách tiền lương từ nguồn thu phí, lệ phí, dịch vụ chưa triệt để. 3/3 đơn vị chưa trích lập nguồn để cài cách tiền theo đúng quy định Nghị định 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ, đối với các đơn vị sự nghiệp có thu dịch vụ phải sử dụng 40% số thu phí, lệ phí và 40% chênh lệch thu, chi từ hoạt động dịch vụ để thực hiện tạo nguồn để chi cách tiền lương. Qua kiểm tra tình hình thực hiện cài cách tiền lương, số phải trích như sau:

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 43.679.288 đồng.
- Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN: 40.692.872 đồng.
- Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN: 9.396.648 đồng.

### **2.3. Thanh tra nguồn thu hoạt động sản xuất kinh doanh**

Nguồn thu dịch vụ của các Trung tâm bao gồm thu từ dịch vụ đo tiếp địa, an toàn bức xạ, hoạt động đào tạo kiểm định, cân ô tô, kiểm định xăng dầu,... Việc quản lý nguồn thu và cấp giấy chứng nhận (chứng nhận kiểm định, kết quả đo tiếp địa,...) của các Trung tâm nhìn chung còn chưa được quản lý chặt chẽ, cụ thể:

- Chưa có mức thu thống nhất trong đơn vị (Trung tâm Ứng dụng); Việc ghi nhận doanh thu căn cứ theo hợp đồng kinh tế. Các giấy chứng nhận chưa được lưu có hệ thống, không chặt chẽ (Trung tâm Ứng dụng). Việc ghi nhận doanh thu dịch vụ còn chưa đúng thời điểm (Trung tâm Thông tin).

- Tại Trung tâm Ứng dụng, công tác quản lý hợp đồng không được chú trọng: Lưu thiếu hợp đồng kinh tế; thiếu biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; biên bản nghiệm thu, thanh lý thiếu nội dung (thời gian nghiệm thu, thanh lý).

- Một số khoản chi dịch vụ của các Trung tâm còn chưa hợp lý như: Khoản chi nghỉ mát vượt quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện, số tiền 14.307.000 đồng (Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng); Phụ cấp kiêm nhiệm kiêm định viên, kiêm nhiệm lái xe chưa có hợp đồng lái xe (Trung

tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng); Chi tiền nhân công phối hợp thực hiện hợp đồng 9.780.000 đ (Trung tâm Ứng dụng).

#### **IV. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế toán**

##### **Ưu điểm**

Các đơn vị đã áp dụng phần mềm kế toán, áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC, kết thúc năm ngân sách đơn vị đã in đầy đủ sổ sách để đưa vào lưu trữ theo quy định. Báo cáo quyết toán lập kịp thời, chứng từ kế toán lưu trữ đầy đủ, rõ ràng và cơ bản đã sử dụng đúng các mẫu biểu tại chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

##### **Hạn chế**

- Khi được giao làm chủ đầu tư (công trình cải tạo nâng cấp Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN) Văn phòng Sở chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán đối với đơn vị chủ đầu tư (Trên bảng cân đối kế toán chưa thể hiện số liệu phát sinh giá trị XDCB dở dang: tài khoản 2412). Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng chưa có đầy đủ chữ ký, dấu của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình (Công ty CP Xây dựng Bắc Thái), việc bàn giao được tiến hành khi còn nhiều hạng mục chưa hoàn thành (3/9/2013).

- Đối với công tác hạch toán, quản lý tài sản: Các đơn vị chưa thực hiện việc rà soát, loại bỏ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ra khỏi danh mục tài sản cố định để theo dõi, quản lý, sử dụng như quản lý công cụ, dụng cụ lâu bền theo đúng quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

Đối với tài sản cố định đã bị hỏng không sử dụng được (Giá trị tài sản 190.535.625đồng), hóa chất bị hư hỏng và quá hạn sử dụng (Giá trị tài sản 193.163.000đồng) tại Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN, Văn phòng Sở chưa thực hiện việc thanh lý tài sản.

- Chưa có định mức tồn quỹ tiền mặt, dẫn tới một số thời điểm tồn quỹ cao (Trung tâm Ứng dụng).

- Công nợ phải thu, phải trả tồn tại từ trước năm 2008 chưa có xác nhận, chưa cụ thể nội dung (Trung tâm Ứng dụng).

- Nguyên vật liệu, sản phẩm hàng hóa của Trung tâm Ứng dụng trên sổ sách kế toán với giá trị là 8.835.467 đồng; 1.838.661 đồng tồn từ năm 2008, chưa rõ nội dung.

#### **V. Thanh tra thu nộp thuế thu nhập cá nhân và nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước**

Các đơn vị đã kê khai và nộp tương đối đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước như thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh

nghiệp. Tuy nhiên tại Văn phòng Sở còn chưa tính đầy đủ tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của các cá nhân có thu nhập từ Trung tâm Thông tin trực thuộc Sở. Việc đối chiếu số liệu thuế giữa sổ sách và tờ khai còn chênh lệch (Trung tâm Thông tin). Chưa khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào và đầu ra, còn chưa nộp đầy đủ thuế thu nhập doanh nghiệp 2015 (20.095.358 đồng) (Trung tâm Thông tin). Tính chưa đúng chi phí tính thuế dẫn tới thuế thu nhập doanh nghiệp tăng (Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ).

## **VI. Thanh tra công trình: Cải tạo hội trường Sở Khoa học và Công Nghệ**

### **1. Tổng hợp số liệu**

Chỉ tiêu	Dự toán duyệt	Quyết toán duyệt	Đơn vị tính: VNĐ	
			Thanh tra	Số thanh tra giảm trừ
- Chi phí xây dựng	486.195.089	466.400.000	457.500.000	-8.900.000
- Chi phí thiết bị	200.000.000	-	-	-
- Chi phí QLDA	15.809.977	11.700.000	11.700.000	-
- Chi phí Tư vấn ĐTXD	41.474.136	31.400.000	31.400.000	-
- Chi khác	13.565.293	1.700.000	1.700.000	-
- Dự phòng	84.923	-	-	-
<b>Tổng số</b>	<b>757.129.415</b>	<b>511.200.000</b>	<b>502.300.000</b>	<b>-8.900.000</b>

### **2. Thanh tra chi tiết**

#### **Ưu điểm:**

Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ Thái Nguyên cơ bản chấp hành tốt Luật Xây dựng, thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đúng quy trình. Nhà thầu thi công theo dự toán thiết kế kỹ thuật được phê duyệt, bàn giao công trình đưa vào sử dụng đúng thời gian theo hợp đồng, hồ sơ hoàn công đầy đủ.

#### **Hạn chế:**

- Công tác nghiệm thu một số vật liệu (gạch lát, sơn, tôn) chưa cụ thể, dẫn đến phải giảm giá trị quyết toán công trình là 8.900.000 đồng.

- Thực hiện Luật Thuế, Kế toán: Nhà thầu thi công xuất hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định. Cụ thể: Hóa đơn số 03 ngày 28/5/2015, giá trị: 209.285.318 đồng, chậm 18 ngày so với quy định, Hóa đơn số 17 ngày 18/12/2015, giá trị 257.114.682 đồng, chậm 222 ngày so với quy định (BBNT công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 10/5/2015).

## **E. Nhận xét và Kết luận**

### **1. Ưu điểm**

- Việc chấp hành Luật Kế toán, Luật Ngân sách, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cơ bản đầy đủ, đúng quy định từ khâu lập chứng từ gốc, vào sổ kế toán, báo cáo tài chính theo đúng chế độ tài chính, đầy đủ, rõ ràng, theo đúng mẫu biểu quy định của Bộ Tài chính.

- Công tác tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật về Luật Kế toán, Luật Ngân sách.

- Quy chế chi tiêu nội bộ thường xuyên được sửa đổi, bổ sung hàng năm, chi tiết cụ thể, đảm bảo tính công khai dân chủ, thuận lợi cho công tác quản lý tài chính.

- Đối với công tác quản lý xây dựng của chủ đầu tư: Về cơ bản, các đơn vị được giao làm chủ đầu tư đã thực hiện tốt chế độ kế toán chủ đầu tư, hồ sơ quyết toán công trình lưu trữ đầy đủ.

### **2. Hạn chế**

- Quy chế chi tiêu nội bộ của một số đơn vị trích lập các quỹ, công tác phí chưa được rõ ràng, cụ thể.

- Xác định nguồn cài cách tiền lương chưa theo đúng các quy định của nhà nước, xác định sai tỉ lệ nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước, chi sai nguồn.

- Công tác nghiệm thu vật liệu chưa chi tiết, quyết toán công trình xây dựng cơ bản chưa đúng thực tế thi công đối với hạng mục vật liệu xây dựng. Chưa thực hiện đầy đủ công tác kế toán đối với chủ đầu tư.

- Chưa thực hiện thanh lý kịp thời đối với tài sản cố định, hóa chất đã bị hỏng, mất phẩm chất không sử dụng được tại Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ KH&CN. Chưa thực hiện việc rà soát, loại bỏ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ra khỏi danh mục tài sản cố định để theo dõi, quản lý, sử dụng như quản lý công cụ, dụng cụ lâu bền trong năm 2016.

- Ghi nhận doanh thu dịch vụ chưa đúng thời điểm, quản lý hợp đồng và giấy chứng nhận kiểm định chưa được chặt chẽ.

- Công nợ phải thu lâu ngày, chưa làm rõ nguyên nhân để đưa ra các giải pháp xử lý.

- Chưa đôn đốc các nhà thầu xuất hóa đơn theo đúng thời điểm nghiệm thu bàn giao. Tính chưa đầy đủ các khoản thu nhập phát sinh chịu thuế thu nhập cá nhân đối với CBCNVC trong Sở có nguồn thu nhập từ các đơn vị trực thuộc Sở. Chưa có xác nhận đã đến thăm quan học tập kinh nghiệm tại Đại học Cần thơ (Nhiệm vụ bảo tồn nguồn Gen cá trach sông). Một số chứng từ hạch toán vào chi phí không đủ điều kiện là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

## **F. Trách nhiệm**

Với những hạn chế, thiếu sót trên đây của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên, trách nhiệm chính thuộc về Giám đốc và kế toán trưởng Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc.

## **G. Kiến nghị**

### **1. Đối với các cơ quan chức năng**

Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị trong ngành khoa học và công nghệ thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về kế toán, trích bổ sung kinh phí tạo nguồn cai cách tiền lương từ nguồn thu của đơn vị; hướng dẫn, triển khai đơn vị thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

### **2. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

Đoàn Thanh tra kiến nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo văn phòng sở và các đơn vị trực thuộc:

- Rà soát quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo các chế độ tài chính được cụ thể hóa trong quy chế.

- Xác định nguồn cai cách tiền lương theo đúng thực tế, tính đúng tính đủ nguồn làm lương 40% từ nguồn thu của các đơn vị sau khi trừ các khoản theo quy định.

- Rà soát lại nguồn thu phí, lệ phí, xác định đúng tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Sử dụng nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên cho việc thẩm định, cấp, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN theo đúng quy định.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Tính đầy đủ các khoản thu nhập tính thuế thu nhập cá nhân theo quy định, nộp ngay các khoản thuế còn nợ ngân sách nhà nước. Thực hiện đổi chiếu các khoản thuế với cơ quan thuế, điều chỉnh chênh lệch vào năm 2016.

- Rà soát, thực hiện thanh lý đối với tài sản cố định, hóa chất đã bị hỏng, mất phẩm chất không sử dụng được tại Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN đồng thời thực hiện việc rà soát, loại bỏ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ra khỏi danh mục tài sản cố định để theo dõi, quản lý, sử dụng như quản lý công cụ, dụng cụ lâu bền trong năm 2016.

- Ghi nhận doanh thu đúng thời điểm, quản lý hợp đồng và giấy chứng nhận kiểm định chặt chẽ.

- Rà soát công nợ phải thu lâu ngày, làm rõ nguyên nhân, đưa ra các giải pháp xử lý.

- Đổi với việc thực hiện Nhiệm vụ bảo tồn nguồn Gen cá trach sông của Công ty THHH Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Đông Bắc, yêu cầu Công ty

phải có công văn xác nhận đã đến Đại học Cần Thơ để tham quan học tập kinh nghiệm.

### \* Về xử lý kinh tế

Kiến nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo Giám đốc các đơn vị trực thuộc chấm dứt ngay những tồn tại và hạn chế trong công tác quản lý tài chính, đồng thời thực hiện ngay các kiến nghị xử lý về kinh tế:

**a. Truy thu về ngân sách nhà nước** các khoản thuế chưa kê khai đầy đủ, các khoản chi sai chế độ, quyết toán tăng sai, số tiền: 13.584.103 đồng. Cụ thể:

- Quyết toán tăng sai giá trị vật liệu công trình Cải tạo hội trường Sở Khoa học và Công Nghệ: 8.900.000 đồng.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại các đơn vị:

+ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 2.861.400 đồng.

+ Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ: 1.822.703 đồng.

Tài khoản nộp: 3941 011 00 881, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên

Nội dung nộp: Theo kiến nghị của Đoàn thanh tra Sở Tài chính tại quyết định Thanh tra số 68/QĐ-STC ngày 25/4/2016.

**b. Giảm trừ dự toán ngân sách chi thường xuyên đối với Sở Khoa học và Công nghệ**

Đối với nguồn cải cách tiền lương tính thiếu từ nguồn thu sự nghiệp: 115.736.933 đồng. Bao gồm:

- Văn phòng Sở: 21.968.125 đồng.

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 43.679.288 đồng.

- Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN: 40.692.872 đồng.

- Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ KH&CN: 9.396.648 đồng.

Trên đây là Kết luận thanh tra tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc. Theo quy định của Luật Thanh tra, trong phạm vi 10 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận Thanh tra, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm niêm yết kết luận thanh tra tại trụ sở cơ quan trong thời gian ít nhất 5 ngày và báo cáo bằng văn bản về biện pháp tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra gửi Sở Tài chính và Đoàn Thanh tra tài chính./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- BGĐ Sở Tài chính TN;
- Sở KHCN và các đơn vị trực thuộc;
- Đoàn thanh tra;
- Lưu: VT, TTr, HCSN.



Nguyễn Minh Quang

**BẢNG TỔNG HỢP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP NĂM 2015**

STT	SỞ TÀI CHÍNH	Loại khoản	Tổng số	Tên các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí hoạt động KH&CN				
				Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục TCĐLCL	Trung tâm Thông tin công nghệ	Trung tâm Ứng dụng TB và chuyển giao KH&CN	
A	Kinh phí hoạt động KH&CN							
I	Dự toán năm 2014 chuyển sang		130.050.000	130.050.000	0	0	0	
1	Loại 370-371 (Kinh phí tự chủ - thực hiện đề tài, dự án)		50.050.000	50.050.000	0	0	0	
	Loại 370-371 (Kinh phí không tự chủ - thực hiện đề tài, dự án)		80.000.000	80.000.000				
	Loại 370-371 (Kinh phí CTMT 0217 không tự chủ - thực hiện đề tài, dự án)		0	0				
II	Dự toán được giao trong năm 2015		23.618.000.000	18.508.605.500	2.900.622.000	1.254.432.500	954.340.000	
1	Loại 370-371 (Kinh phí tự chủ - thực hiện ĐT,DA)		0	0	0	0	0	
2	Loại 370-371 (Kinh phí không tự chủ - thực hiện ĐT,DA)		12.082.121.037	12.082.121.037				
3	Loại 370-371 (KP không tự chủ - đề án ISO)		0	0				
4	Loại 370-371(CTMT-0217) (KP không tự chủ)		0		0	0	0	
5	Loại 370-373 (Kinh phí tự chủ)		1.584.900.000	0	577.300.000	252.800.000	754.800.000	
6	Loại 370-373 (KP không tự chủ)		4.868.978.963	2.675.484.463	992.322.000	1.001.632.500	199.540.000	
7	Loại 460-463 (Kinh phí tự chủ)		4.270.400.000	2.990.400.000	1.280.000.000			
8	Loại 460-463 (Kinh phí không tự chủ)		811.600.000	760.600.000	51.000.000			
III	Số dự toán quyết toán năm 2015		23.748.050.000	18.638.655.500	2.900.622.000	1.254.432.500	954.340.000	
1	Loại 370-371 (Kinh phí tự chủ - thực hiện ĐT,DA)		50.050.000	50.050.000	0	0	0	
2	Loại 370-371 (Kinh phí không tự chủ - thực hiện ĐT,DA)		12.162.121.037	12.162.121.037				
3	Loại 370-371 (KP không tự chủ - đề án ISO)		0					
4	Loại 370-371(CTMT-0217) (KP không tự chủ)		0		0	0	0	
5	Loại 370-373 (KP thực hiện tự chủ)		1.584.900.000		577.300.000	252.800.000	754.800.000	
6	Loại 370-373 (KP không tự chủ)		4.868.978.963	2.675.484.463	992.322.000	1.001.632.500	199.540.000	
7	Loại 460-463 (Kinh phí tự chủ)		4.270.400.000	2.990.400.000	1.280.000.000	0	0	
8	Loại 460-463 (Kinh phí không tự chủ)		811.600.000	760.600.000	51.000.000			
IV	Số dư dự toán chuyển sang năm sau		0	0	0	0	0	
1	Loại 370-371 (Kinh phí tự chủ - thực hiện ĐT,DA)		0	0				
2	Loại 370-371 (Kinh phí không tự chủ - thực hiện ĐT,DA)		0	0				
3	Loại 370-371(CTMT-0217) (Kinh phí không tự chủ)		0	0				
B	Kinh phí SNKH thực hiện dự án đầu tư XDCB							
I	Dự toán năm 2014 chuyển sang		0	0				

STT	Loại khoản	Tổng số	Tên các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí hoạt động KHCN			
			Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục TCDLCL	Trung tâm Thông tin công nghệ	Trung tâm Ứng dụng TB và chuyển giao KH&CN
1	Dự án nâng cao năng lực QLNN về TCĐCL và ATBXHN	0	0			
2	Dự án đầu tư XD cơ sở nhân giống nuôi cây mô tả bão	0				
3	Dự án cải tạo Trung tâm ứng dụng & chuyển giao KHCN	0	0			
<i>II</i>	<i>Dự toán giao đầu năm 2015</i>	<i>262.000.000</i>	<i>262.000.000</i>			
1	Dự án nâng cao năng lực QLNN về TCĐCL và ATBXHN	0	0	0	0	0
2	Dự án đầu tư XD cơ sở nhân giống nuôi cây mô tả bão	262.000.000	262.000.000			
3	Dự án cải tạo Trung tâm ứng dụng & chuyển giao KHCN	0	0			
<i>III</i>	<i>Số đề nghị quyết toán năm 2015</i>	<i>260.846.195</i>	<i>260.846.195</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
1	Dự án nâng cao năng lực QLNN về TCĐCL và ATBXHN	0	0	0	0	0
2	Dự án đầu tư XD cơ sở nhân giống nuôi cây mô tả bão	260.846.195	260.846.195			
3	Dự án cải tạo Trung tâm ứng dụng & chuyển giao KHCN	0				
<i>IV</i>	<i>Số dư dự toán chuyển năm sau (Hủy bỏ)</i>	<i>1.153.805</i>	<i>1.153.805</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
1	Dự án nâng cao năng lực QLNN về TCĐCL và ATBXHN		0			
2	Dự án đầu tư XD cơ sở nhân giống nuôi cây mô tả bão	0	1.153.805	0	0	0
3	Dự án cải tạo Trung tâm ứng dụng & chuyển giao KHCN	0	0			

TÊN CQ QUẢN LÝ CẤP TRÊN: UBND TỈNH THÁI NGUYÊN

TÊN ĐƠN VỊ: Sở khoa học và công nghệ TN

**BẢNG TỔNG HỢP BÁO CÁO THU CHI  
HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SXKD DỊCH VỤ NĂM 2015**

STT	Loại khoản	Tổng số	Tên các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí hoạt động KHCN				
			Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục TCĐLCL	Trung tâm thông tin công nghệ	Trung tâm ứng dụng và chuyển giao KH&CN	
I	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm 2014 chuyển sang	54.366.254	0	10.000.000	0	44.366.254	
II	Tổng số thu trong năm 2015	3.650.915.726	132.506.250	1.115.216.728	1.773.057.132	630.135.616	
1	Thu phí, lê phí	132.506.250	132.506.250	0	0	0	
2	Thu hoạt động dịch vụ	3.298.254.261		1.115.216.728	1.773.057.132	409.980.401	
3	Nhiệm vụ theo đơn đặt hàng	220.000.000			0	220.000.000	
4	Thu khác	155.215				155.215	
III	Tổng số chi phí hoạt động trong năm 2015	3.308.074.455	0	1.020.325.508	1.671.324.951	616.423.996	
1	Chi phí phục vụ công tác thu phí, lê phí	0	0	0	0	0	
2	Chi phí phục vụ công tác thu hoạt động dịch vụ	3.087.252.755	0	1.020.325.508	1.671.324.951	395.602.296	
3	Nhiệm vụ theo đơn đặt hàng	220.000.000	0		0	220.000.000	
4	Chi phí khác	821.700	0			821.700	
IV	Chênh lệch thu lớn hơn chi	397.207.525	132.506.250	104.891.220	101.732.181	58.077.874	
V	Nộp NSNN	64.316.596	24.150.938	18.978.244	18.311.793	2.875.621	
VI	Bổ sung kinh phí hoạt động	75.155.312	63.655.312			11.500.000	
VII	Trích lập các quỹ	204.033.364	44.700.000	75.912.976	83.420.388	0	
VIII	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm 2015 chuyển năm sau	53.702.253	0	10.000.000	0	43.702.253	

